TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-07-2023
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thận
2. Ông Trần Đức Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thanh N, sinh năm 1987 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước
Bị đơn: Lê Thị Bích V, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Bích V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước 29/6/2009. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan về điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó anh Nguyễn Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Bích V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nguyễn Lê Ngân L, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Lê Thiên P, sinh ngày 17/03/2014. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Thanh N đồng ý giao con cho chị Lê Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng cho chị Lê Thị Bích V nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Bích V trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Thanh N như anh Nguyễn Thanh N khởi kiện là đúng, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Lê Thị Bích V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nguyễn Lê Ngân L, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Lê Thiên P, sinh ngày 17/03/2014, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên, yêu cầu anh Nguyễn Thanh N cấp dưỡng cho chị nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Bích V, nơi cư trú của chị Lê Thị Bích V tại thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án " Hôn nhân gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Bích V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/6/2009. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Bích V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh N thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Bích V chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì vậy anh Nguyễn Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Bích V. Bị đơn chị Lê Thị Bích V cũng xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Thanh N như anh Nguyễn Thanh N khởi kiện là đúng nên anh Nguyễn Thanh

N yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Bích V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế thì từ năm 2016 đến nay anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Bích V đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh N là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Lê Thị Bích V thấy rằng: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nguyễn Lê Ngân L, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Lê Thiên P, sinh ngày 17/03/2014. Sau khi ly hôn chị Lê Thị Bích V có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con, anh Nguyễn Thanh N cũng đồng ý theo yêu cầu của chị Lê Thị Bích V, 02 con của anh chị là Nguyễn Lê Ngân L, Nguyễn Lê Thiên P cũng có nguyện vọng sau khi anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Bích V ly hôn thì tiếp tục ở với mẹ là chị Lê Thị Bích V nên cần giao con chung cho chị Lê Thị Bích V tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Thị Bích V thấy rằng: Bị đơn chị Lê Thị Bích V yêu cầu sau khi ly hôn anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị nuôi con, mỗi con một tháng là 1.500.000 đồng, 02 con một tháng là 3.000.000đồng cho đến khi thành niên. Xét thấy việc nuôi dưỡng con là nghĩa vụ của cha, mẹ, vì vậy việc chị Lê Thị Bích V yêu cầu anh Nguyễn Thanh N cấp dưỡng cho chị nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi thành niên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của luật Hôn nhân gia đình năm 2014, anh Nguyễn Thanh N cũng đồng ý cấp dưỡng cho chị Lê Thị Bích V nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi thành niên nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh N được ly hôn với chị Lê Thị Bích V.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Ngân L, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Lê Thiên P, sinh ngày 17/03/2014 cho chị Lê Thị Bích V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Lê Thị Bích V nuôi con Nguyễn Lê Ngân L, sinh ngày 29/10/2009 mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con thành niên, cấp dưỡng cho chị Lê Thị Bích V nuôi con Nguyễn Lê Thiên P, sinh ngày 17/03/2014 mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con thành niên, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu số 0000899 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Anh Nguyễn Thanh N còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh